

Số: 78 /BC-SGTVT

Vĩnh Long, ngày 23 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 04/11/2008 của Tỉnh ủy Vĩnh Long thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương, khóa X về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”

Thực hiện công văn số 285/ SNN&PTNT-KHTH ngày 29/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo tổng kết 10 thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU của Tỉnh ủy về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”, Sở Giao thông vận tải báo cáo như sau:

PHẦN THỨ NHẤT CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI, QUẢN TRIỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Công tác chỉ đạo, triển khai, quản triệt

1. Công tác tổ chức học tập:

Hàng năm Sở Giao thông vận tải điều có tổ chức triển khai, quản triệt cho toàn bộ cán bộ công chức, viên chức, người lao động học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương, khóa X về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”. Đồng thời chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 04/11/2008 của Tỉnh ủy Vĩnh Long.

2. Công tác triển khai thực hiện:

Kiện toàn tổ chức tổ công tác tham gia xây dựng xã nông thôn mới của Sở Giao thông Vận tải. Ngày 17/9/2014 Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định số 522/QĐ-SGTVT về việc thành lập tổ công tác tham gia xây dựng xã nông thôn mới, thay thế quyết định số 289/QĐ-GTVT ngày 08/6/2011.

Theo đó, Tổ công tác gồm có 08 thành viên do đồng chí Giám đốc làm tổ trưởng, 03 đồng chí Phó giám đốc làm tổ phó, các thành viên trong tổ là lãnh đạo Văn phòng sở, phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, Thanh tra giao thông và đồng chí cán bộ kế hoạch tổng hợp Ban QLDA.GTNT làm thư ký tổng hợp của tổ.

Sở Giao thông vận tải đã đóng góp ý kiến về Quy hoạch xã nông thôn mới cho 47 xã và phối hợp Văn phòng điều phối nông thôn mới khảo sát, đánh giá, hướng dẫn các xã về thực hiện tiêu chí giao thông (TC2).

Các đồng chí lãnh đạo Sở được phân công chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tại các xã điểm đã tích cực phối hợp với Ban chỉ đạo xã tháo gỡ các khó khăn trong thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới, đặc biệt là tiêu chí giao thông đến nay tất cả các xã đều đạt tiêu chí giao thông.

3. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu

- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã là 94/94 xã đạt 100%

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 39/94 xã đạt 41,49 %

(Xem chi tiết phụ lục 1: Bảng so sánh một số kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu về: “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”, giai đoạn năm 2008-2017)

II. Kết quả sau 10 năm thực hiện (2008-2017):

1. Kết quả đạt được về xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông – xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị.

- Đường tỉnh:

+ **Năm 2008:** Có tổng cộng 09 tuyến, tổng chiều dài 193 km. Trong đó: đường đá nhựa: 187km; đường cấp phối 6 km.

+ **Năm 2017:** Có tổng cộng 10 tuyến đường với tổng chiều dài 295km. Trong đó: đường láng nhựa 257 km; bê tông nhựa 38 km;

So với năm 2008: Tăng 102 km đường. Trong đó đường bê tông nhựa tăng 38 km; đường láng nhựa tăng 69km, đường cấp phối giảm 6km.

- Đường đô thị:

+ **Năm 2008:** Tổng cộng 75,839km. Trong đó có 35,62 km đường bê tông nhựa; 36,201 km đường nhựa; 0,611 km đường bê tông xi măng; 3,407 km đường cấp phối;

+ **Năm 2017:** Tổng cộng 140,5km. Trong đó đường bê tông xi măng: 3 km; bê tông nhựa: 78 km; láng nhựa 55,5 km; Cấp phối đá dăm 4 km.

So với năm 2008: Tăng 64,661km đường. Trong đó đường bê tông nhựa tăng 42,38 km; đường bê tông xi măng: tăng 2,389 km; đường láng nhựa tăng 19,299km; đường cấp phối đá dăm tăng 0,593 km.

- Đường huyện:

Năm 2008: Tổng cộng 341,08 km. Trong đó có 177,72 km đường nhựa; 148,16km đường cấp phối; 15,2km loại đường khác.

Năm 2017: Tổng cộng 400,778 km. Trong đó có: 367,178 km đường nhựa; 14,9 km đường bê tông xi măng; 18,7 km đường cấp phối đá dăm.

So với năm 2008: Tăng 59,698km đường. Trong đó đường nhựa tăng 189,458 km, đường cấp phối đá dăm giảm 129,46 km; đường bê tông xi măng tăng 14,9 km, loại đường khác giảm 15,2 km.

- Ngoài ra còn hệ thống đường liên xã, Đường ô tô ở ấp và liên ấp theo tiêu chí về xây dựng Nông thôn mới, đường chuyên dùng, đường liên xóm năm 2008 không có thống kê và số liệu được thống kê đến tháng 12 năm 2017 như sau:

+ Đường ô tô ở ấp và liên ấp theo tiêu chí về xây dựng nông thôn mới: 456 km

+ Đường liên xã 2,4km

+ Đường chuyên dùng: 14 km

+ Đường Liên xóm 2.046 km

+ Đường khác 104 km

2. Nguồn vốn thực hiện:

Trong 10 từ năm 2008 đến năm 2017 đã đầu tư xây dựng công trình giao thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (không tính các dự án Trung ương đầu tư) tổng nguồn vốn đầu tư: 5.498,39 tỷ đồng, trong đó:

- + Ngân sách tỉnh: 2.265,1 tỷ đồng
- + Ngân sách huyện: 1.70,62 tỷ đồng
- + Nguồn vốn Trung ương và nguồn vốn khác: 1.987,17 tỷ đồng
- + Nhân dân đóng góp: 75,5 tỷ đồng

Đã cải tạo, nâng cấp: 347,265 km đường, xây dựng mới 690,1 km đường ô tô, xây dựng mới 280 cầu ô tô với tổng chiều dài các cầu là 9.287m

(Xem chi tiết phụ lục 2: Tổng hợp kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình “nông nghiệp, nông dân, nông thôn” giai đoạn 2008-2017”

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Công tác tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình

Ngày 01/4/2014 UBND tỉnh Vĩnh Long có ban hành Quyết định số 499/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc hướng dẫn thực hiện, đánh giá các tiêu chí xã nông thôn mới. Trong đó Sở Giao thông vận tải có tham mưu UBND tỉnh ban hành hướng dẫn đánh giá chỉ tiêu số 2.

Ngày 16/6/2017 UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 1308/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành Quy định cụ thể một số chỉ tiêu xã nông thôn mới và tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. (thay thế Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 01/4/2014). Trong đó Sở Giao thông vận tải có tham mưu UBND tỉnh ban hành hướng dẫn đánh giá chỉ tiêu số 2, về giao thông.

2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh

Trong 10 năm thực hiện Chương trình từ năm 2008 đến năm 2017: Kết quả đạt được về tiêu chí 2 như sau:

- Số đơn vị cấp huyện đạt tiêu chuẩn NTM: 01
- + Kết quả đạt tiêu chí theo xã: 39
- + Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông: 39

(Xem chi tiết phụ lục 3: Tổng hợp kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới đến năm 2017 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long)

IV . ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt được và nguyên nhân

* Công tác lãnh đạo, điều hành tổ chức triển khai thực hiện

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới là một chương trình lớn, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với nông thôn và nông dân.

Việc đầu tư xây dựng nông thôn mới là điều cần thiết, làm cho kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; môi trường sinh thái được bảo vệ; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; việc xây

dựng nông thôn mới thành công là góp phần xóa dần khoảng cách giữa nông thôn với thành thị, trong đó cộng đồng dân cư đóng vai trò là chủ thể hết sức quan trọng; nội lực được xác định là nguồn lực căn bản để thực hiện xây dựng NTM. Huy động được sức mạnh nội lực trong nhân dân để thực hiện thành công những mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra từ Chương trình.

* Về kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp

Sự thay đổi về kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp và đáp ứng được nhu cầu đời sống người dân nông thôn

Trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư xây dựng mới và cải tạo nâng cấp mạng lưới đường bộ không ngừng được phát triển trong giai đoạn từ 2008 đến 2017. Từ kết quả đạt được cho thấy xây dựng và phát triển GTNT đến đâu đều tạo môi trường thuận lợi, làm động lực thúc đẩy mạnh mẽ phát triển sản xuất, thương mại, dịch vụ đến đó, điều kiện, môi trường thuận lợi cho nhiệm vụ tăng cường công tác giáo dục, hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và các hoạt động xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và trật tự - xã hội. Bên cạnh đó, GTNT phát triển rộng rãi, các xã đều có đường ô tô đến trung tâm xã, các ấp đều có đường dân sinh, góp phần quan trọng hình thành nông thôn mới.

* **Nguyên nhân đạt được:**

- Có chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng về Nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Quan tâm chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới Vĩnh Long và ưu tiên đầu tư nguồn lực tỉnh.

- Được sự vận động sâu rộng của Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, đoàn thể các cấp, được sự đồng thuận và hưởng ứng tích cực của nhân dân.

- Sự nỗ lực và quyết tâm của ngành chuyên môn, các ngành chức năng liên quan và của đảng bộ, UBND các huyện, các xã.

2. Tồn tại và hạn chế và nguyên nhân:

- Tiến độ xây dựng GTNT trong thời gian qua chưa đáp ứng yêu cầu theo kế hoạch.

- Một số công trình GTNT xây dựng trước đây đang bị xuống cấp là tình trạng đáng quan tâm.

- Đường GTNT có quy mô nhỏ (đường chỉ đạt cấp VI, AH, A, B, C), năng lực chịu tải chỉ từ 5 đến 8 tấn) đang bị áp lực về vận tải ngày càng tăng cả về tải trọng và mật độ giao thông.

Nguyên nhân hạn chế:

- Nguyên nhân chủ yếu là kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, khối lượng công trình quá nhiều, nguồn vốn lại rất hạn chế không đáp ứng yêu cầu xây dựng mới, cải tạo nâng cấp và duy tu sửa chữa các công trình giao thông.

- Về chủ quan, việc quản lý đầu tư, sử dụng, khai thác một số ít công trình chưa tốt.

- Một số địa phương thiếu quan tâm chỉ đạo xây dựng GTNT, vận động sự đóng góp của các doanh nghiệp và nhân dân chưa nhiều, còn trông chờ sự đầu tư từ ngân sách.

- Chính sách hỗ trợ, bồi hoàn, tái định cư GPMP còn chậm, mất nhiều thời gian triển khai công trình.

3. Bài học kinh nghiệm:

Thực hiện tốt phương châm: "Nhà nước và nhân dân cùng làm", giúp người dân hiểu được lợi ích của việc phát triển GTNT, cùng với sự hỗ trợ của nhà nước vận động nhân dân tích cực tham gia, đóng góp tạo điều kiện thuận lợi để triển khai xây dựng công trình.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo dân chủ, công bằng, đảm bảo công trình đạt chất lượng ... là niềm tin của dân đối với Đảng và Nhà nước để duy trì và phát triển phong trào.

- Phải có Nghị quyết, có kế hoạch, giải pháp cụ thể. Quán triệt sâu sắc trong nội bộ, quyết liệt trong chỉ đạo và thực hiện.

- Kiểm tra, đôn đốc, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ xây dựng công trình

PHẦN THỨ HAI MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi và thời cơ:

Trong giai đoạn hiện nay tình hình phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Vĩnh Long tăng trưởng ổn định, ngày càng thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư trong các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật. Nhằm đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển, đi lại và nâng cao đời sống người dân đẩy mạnh chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tỉnh đã có nhiều dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông kết nối các khu vực với nhau. Chính vì vậy đây chính là thời cơ để tỉnh có phương hướng thu hút và tranh thủ nguồn vốn tài trợ trong và ngoài nước phục vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội tỉnh.

2. Khó khăn và thách thức:

Trong công tác quy hoạch kết cấu hạ tầng nông thôn thì một số các huyện trong tỉnh chưa có quy hoạch đồng bộ mạng lưới giao thông nên chưa xây dựng được kế hoạch lâu dài để phát triển, điều này làm cho việc đầu tư còn tự phát, chưa có tính định hướng, gây ảnh hưởng đến việc nâng cấp, cải tạo và phát triển sau này. Mặt khác một số xã trong các huyện lại đưa vào quy hoạch rộng rãi để tranh thủ được cấp vốn đầu tư. Tuy nhiên công tác thực hiện không được đồng bộ và không hoàn thành quy hoạch, từ đó dẫn đến không đạt trong tiêu chí 2 nên không thể công nhận được xã nông thôn mới.

Bên cạnh đó cơ cấu tổ chức quản lý hệ thống đường giao thông nông thôn còn nhiều bất cập, việc quản lý hệ thống giao thông nông thôn hiện nay chưa có một mô hình quản lý thống nhất nên còn hạn chế trong quản lý nhà nước, quy hoạch và đầu tư xây dựng, phát triển giao thông nông thôn; thiếu hệ thống số liệu; thiếu quan tâm và bố trí kinh phí quản lý, bảo trì; thiếu cán bộ chuyên môn quản lý hệ thống đường huyện trở xuống.

Một số vấn đề về vốn đầu tư, hiện tại vẫn chưa tranh thủ tối đa nguồn vốn xã hội hóa, do công tác quản lý nhà nước, cũng như các thủ tục hành chính còn gây nhiều khó khăn cho nhà đầu tư, vì vậy nhà đầu tư họ còn e ngại khi quyết định đầu tư. Ngoài ra

công tác giải phóng mặt bằng, lập và điều chỉnh quy hoạch giao thông còn nhiều hạn chế bất cập nên việc xây dựng hạ tầng giao thông còn nhiều khó khăn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng hệ thống giao thông liên hoàn, đồng bộ, hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn kết hợp các loại hình giao thông vận tải nhằm phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế-xã hội và quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh và đẩy mạnh Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Kết nối hợp lý với hệ thống giao thông quốc gia, vùng và nội tỉnh, tạo thành một mạng lưới giao thông thông suốt, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy hội nhập mạnh hơn với cả Vùng, cả nước và quốc tế, phù hợp với việc ứng phó biến đổi khí hậu trong tương lai.

Thỏa mãn nhu cầu vận tải của xã hội với chất lượng ngày càng cao, hạn chế tai nạn giao thông và ô nhiễm môi trường

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020:

Đối với các tuyến Quốc gia: Phối hợp với Bộ GTVT tập trung đầu tư, nâng cấp, mở rộng và xây mới hệ thống đường quốc gia qua tỉnh như: QL.1, 53, 54, 57, 80 và cao tốc Mỹ Thuận-Cần Thơ;...;

Đối với hệ thống đường tỉnh: Phát triển mạng lưới, mở rộng, nâng cấp, đưa vào cấp kỹ thuật với quy mô tối thiểu đường cấp IV đồng bằng, đoạn qua các đô thị đạt quy mô theo quy hoạch xây dựng phát triển đô thị. Đến 2020 tỷ lệ nhựa hóa đạt 100%; Đến 2030, kéo dài các tuyến ĐT.903, 905, 907 nhằm tăng tính kết nối khu vực.

Đối với hệ thống đường huyện và đường xã: Đến 2020, 100% đường huyện (ĐH), đường xã đi lại thuận lợi quanh năm; tỷ lệ mặt đường cứng (bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng) ĐH đạt 100%, đường xã (ĐX) tối thiểu 90%; Định hướng đến 2030 mở mới kéo dài một số tuyến đường huyện nhằm kết nối thuận lợi các khu vực; tỷ lệ cứng hóa đường huyện và đường xã đạt 100%.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi phát triển công nghiệp, dịch vụ và các ngành nghề truyền thống ở nông thôn; Đẩy mạnh thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trọng tâm là chương trình xây dựng nông thôn mới, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt để thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hiến đất để làm đường GTNT, cùng với sự hỗ trợ của nhà nước, nhân dân đóng góp công sức, giúp người dân hiểu được lợi ích của việc phát triển GTNT để tích cực tham gia. Xây dựng cơ chế khuyến khích để tạo phong trào sâu rộng trong từng địa phương.

- Tích cực huy động mọi nguồn lực, huy động nhiều nguồn vốn: ngân sách nhà nước TW, địa phương và các thành phần kinh tế khác. Hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế để tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng GTNT trong tiến trình xây dựng nông thôn mới, hiện đại hóa nông thôn.

- Lồng ghép các dự án hạ tầng tại mỗi địa phương để nâng cao hiệu quả đầu tư, phát huy tính đồng bộ kết cấu hạ tầng, mạng lưới GTNT với các đường huyện. Ưu tiên đầu tư hạ tầng GTNT xã nông thôn mới.

- Nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý đầu tư, quản lý bảo trì công trình GTNT nhằm phát huy tối đa hiệu quả các dự án đã hoàn thành đưa vào khai thác. Có chế độ ưu đãi đối với người lao động trong điều kiện lao động đặc thù trong ngành giao thông, đặc biệt là công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông thôn ở các vùng sâu, vùng xa, lao động nặng nhọc, nguy hiểm.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, xem xây dựng GTNT là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của mỗi địa phương. Thường xuyên đôn đốc các Chủ đầu tư khẩn trương lập thủ tục đầu tư và triển khai thi công các công trình theo đề án xây dựng đường liên ấp và phù hợp với quy hoạch tại từng xã.

- Nâng cấp mạng lưới giao thông hiện có theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đường GTNT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong công tác xây dựng cũng như bảo trì GTNT. Nghiên cứu, sử dụng vật liệu tại chỗ, lựa chọn kết cấu mặt đường phù hợp.

Đẩy nhanh việc đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng GTNT, đảm bảo hành lang an toàn. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật kết hợp với công tác tăng cường cưỡng chế thi hành pháp luật về trật tự hành lang an toàn giao thông.

PHẦN THỨ BA ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương

Đề nghị bố trí ngân sách phù hợp để địa phương thực hiện theo đúng lộ trình, theo đó có chính sách hỗ trợ phù hợp cho xã điểm để hoàn thành các tiêu chí về giao thông vào năm 2020. Xây dựng quy định về huy động vốn, cơ chế lồng ghép, quản lý các nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới chung cho cả tỉnh. Có cơ chế cụ thể, đơn giản hơn trong thủ tục xây dựng, giải ngân và quyết toán phần vốn nhà nước hỗ trợ đối với những công trình kỹ thuật đơn giản do cộng đồng dân cư tự thực hiện.

2. Đối với cấp tỉnh (Tỉnh ủy, UBND)

Xây dựng quy định về huy động vốn, cơ chế lồng ghép, quản lý các nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới chung cho cả tỉnh. Có cơ chế cụ thể, đơn giản hơn trong thủ tục xây dựng, giải ngân và quyết toán phần vốn nhà nước hỗ trợ đối với những công trình kỹ thuật đơn giản do cộng đồng dân cư tự thực hiện.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình hành động số 23-CTR/TU của Tỉnh ủy về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn” của Sở Giao thông vận tải./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Ban GD Sở (biết);
- Phòng QLKCHTGT;
- Lưu: VT, 2.09.02, KS b.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đã ký

Trần Quốc Hợp